

ỦY BAN DÂN TỘC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1303/UBNDT – CSĐT

V/v hướng dẫn thực hiện chế độ,
chính sách đối với cấp xã, thôn
hình thành sau sắp xếp trên địa bàn
vùng đồng bào DTTS&MN

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2023

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thực hiện Công điện số 557/CĐ-TTg ngày 18/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát, hoàn thiện các quy định về thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030, Ủy ban Dân tộc hướng dẫn các địa phương áp dụng cơ chế, chính sách đối với cấp xã (xã), cấp thôn (thôn) hình thành sau sắp xếp như sau:

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH CỦA CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030:

1. Các xã, thôn đang hưởng chế độ, chính sách của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (gọi tắt CTMTQG DTTS&MN) nếu sau sắp xếp thay đổi về tên gọi thì sử dụng tên gọi mới để thực hiện các chế độ, chính sách như trước khi sắp xếp.

2. Sáp nhập toàn bộ địa giới hành chính của các xã, thôn đang hưởng chế độ, chính sách của CTMTQG DTTS&MN với nhau được tiếp tục thực hiện chế độ, chính sách của CTMTQG DTTS&MN như trước thời điểm sắp xếp cho đến khi cho đến khi cấp thẩm quyền ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hết thời hạn của CTMTQG DTTS&MN. Ngân sách phân bổ cho xã, thôn hình thành sau sắp xếp để thực hiện chế độ, chính sách của CTMTQG DTTS&MN được tính trên cơ sở cộng gộp định suất của các xã, thôn trước khi sắp xếp.

3. Sáp nhập toàn bộ các xã, thôn đang hưởng chế độ, chính sách của CTMTQG DTTS&MN sáp nhập với các xã, thôn không hưởng chế độ, chính sách của CTMTQG DTTS&MN thì tại khu vực đang hưởng chế độ, chính sách của CTMTQG DTTS&MN tiếp tục được thực hiện cho đến khi cấp thẩm quyền ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền phê duyệt xã, thôn hình thành sau sáp nhập đủ điều kiện hưởng chế độ, chính sách của CTMTQG DTTS&MN tiếp tục thực hiện chế độ, chính sách cho đến hết thời hạn của Chương trình.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền xác định xã, thôn hình thành sau sáp nhập không đủ điều kiện hưởng chế độ, chính sách của CTMTQG DTTS&MN thì khu vực đang hưởng chế độ, chính sách của CTMTQG DTTS&MN trước sáp nhập tiếp tục thực hiện chế độ, chính sách cho đến hết thời hạn của Chương trình.

Ngân sách phân bổ cho xã, thôn hình thành sau sắp xếp để thực hiện chế độ, chính sách của CTMTQG DTTS&MN được tính trên cơ sở cộng gộp định suất của các xã, thôn trước khi sắp xếp.

4. Trường hợp sắp xếp, điều chỉnh một phần địa giới hành chính xã, thôn để sáp nhập với xã, thôn khác thì căn cứ nguồn vốn đã phân bổ, tỷ lệ dân số, diện tích tự nhiên của xã, thôn phải điều chỉnh, Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh phân bổ ngân sách cho xã, thôn sau sắp xếp; tại nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân cấp huyện, giao Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chỉnh phân bổ ngân sách cho xã, thôn trực thuộc sau sắp xếp. Nếu xã, thôn sau sắp xếp không thuộc địa bàn huyện trước sắp xếp, điều chỉnh địa giới, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh phân bổ ngân sách cho cấp huyện sau sắp xếp.

II. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI XÃ, THÔN VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

1. Khi thực hiện sắp xếp xã, thôn có sự thay đổi về tên nhưng không có sự tác động, ảnh hưởng đến quy mô diện tích, ranh giới của xã, thôn thì sử dụng tên gọi mới để thực hiện các chế độ, chính sách như trước khi sắp xếp.

2. Khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã) có sự tác động, ảnh hưởng đến quy mô diện tích, ranh giới của xã thì thực hiện như sau:

a) Các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và cùng khu vực sáp nhập với nhau thì xã sau sáp nhập áp dụng các chế độ, chính sách như trước khi sắp xếp;

b) Xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và không cùng khu vực sáp nhập với nhau hoặc xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi sáp nhập với xã không thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thì xã sau sáp nhập áp dụng các chế độ, chính sách như trước khi sắp xếp cho đến khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cơ quan có liên quan tổ chức rà soát, xác định xã sau sáp nhập thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại mục III của văn bản này và gửi về Ủy ban Dân tộc để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

3. Khi thực hiện sắp xếp cấp thôn, tổ dân phố (gọi chung là thôn) nếu có sự tác động, ảnh hưởng đến quy mô diện tích, ranh giới của thôn thì thực hiện như sau:

a) Thôn thuộc diện đặc biệt khó khăn sáp nhập với nhau thì thôn sau sáp nhập tiếp tục thực hiện chế độ, chính sách như trước khi thực hiện sáp nhập;

b) Thôn thuộc diện đặc biệt khó khăn sáp nhập với Thôn không thuộc diện đặc biệt khó khăn thì việc áp dụng các chế độ, chính sách trên địa bàn được thực hiện như thời điểm trước khi sắp xếp cho đến khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cơ quan có liên quan tổ chức xác định thôn đặc biệt khó khăn theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại mục III của văn bản này và gửi về Ủy ban Dân tộc để báo cáo Bộ Trưởng, Chủ nhiệm xem xét, quyết định.

III. TRÌNH TỰ RÀ SOÁT, XÁC ĐỊNH XÃ KHU VỰC III, KHU VỰC II, KHU VỰC I, THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

Sau khi hoàn thành việc sắp xếp xã, thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cơ quan có liên quan tổ chức rà soát, xác định xã, thôn sau sắp xếp theo trình tự các bước dưới đây:

1. Xác định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Bước 1: Xác định xã, phường thị trấn (gọi chung là xã) thuộc vùng đồng bào DTTS&MN là xã có tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số trong tổng số hộ dân sinh sống ổn định thành cộng đồng từ 15% trở lên.

- Bước 2: Xác định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I: thực hiện theo Điều 3, 4 và 5 của Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025. Kết quả rà soát, tổng hợp theo phụ lục 01 đính kèm.

2. Xác định thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Bước 1: Xác định thôn thuộc vùng đồng bào DTTS&MN là thôn có tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số trong tổng số hộ dân sinh sống ổn định thành cộng đồng từ 15% trở lên.

- Bước 2: Xác định thôn đặc biệt khó khăn: thực hiện theo Điều 6 của Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025. Kết quả rà soát, tổng hợp theo phụ lục 02 đính kèm.

3. Đối với việc đề nghị điều chỉnh tên xã, thôn đã được phê duyệt tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 và Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021: tổng hợp theo phụ lục 03 đính kèm.

4. Quy trình, thủ tục, thời gian và hồ sơ xác định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I và thôn đặc biệt khó khăn

- Thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025.

- Thời gian: Hoàn thành rà soát và gửi hồ sơ về Ủy ban Dân tộc trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.

Trên đây là hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với cấp xã, thôn sau sắp xếp theo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh kịp thời phản ánh về Ủy ban Dân tộc để hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /vtg

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP (để b/c);
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- HĐND các tỉnh, TP, trực thuộc TW;
- Cơ quan làm công tác dân tộc cấp tỉnh;
- BTCN, các TTPCN UBND;
- Các Vụ, đơn vị UBND;
- Lưu VT, Vụ CSDT.

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



Y Vinh Tơ

DANH SÁCH GỬI VĂN BẢN (Công văn số 1303/UBND-CSĐT)

TT	TỈNH	TT	TỈNH
1	TỈNH VĨNH PHÚC	28	TỈNH LÂM ĐỒNG
2	THÀNH PHỐ HÀ NỘI	29	TỈNH QUẢNG BÌNH
3	TỈNH QUẢNG NINH	30	TỈNH QUẢNG TRỊ
4	TỈNH HÀ GIANG	31	TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
5	TỈNH NINH BÌNH	32	TỈNH QUẢNG NAM
6	TỈNH CAO BẰNG	33	TỈNH QUẢNG NGÃI
7	TỈNH BẮC KẠN	34	TỈNH BÌNH ĐỊNH
8	TỈNH TUYÊN QUANG	35	TỈNH PHÚ YÊN
9	TỈNH LÀO CAI	36	TỈNH KHÁNH HOÀ
10	TỈNH YÊN BÁI	37	TỈNH NINH THUẬN
11	TỈNH THÁI NGUYÊN	38	TỈNH BÌNH THUẬN
12	TỈNH LẠNG SƠN	39	TỈNH BÌNH PHƯỚC
13	TỈNH BẮC GIANG	40	TỈNH TÂY NINH
14	TỈNH HẢI DƯƠNG	41	TỈNH ĐỒNG NAI
15	TỈNH HẢI PHÒNG	42	TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU
16	TỈNH PHÚ THỌ	43	TỈNH TRÀ VINH
17	TỈNH ĐIỆN BIÊN	44	TỈNH VĨNH LONG
18	TỈNH LAI CHÂU	45	TỈNH AN GIANG
19	TỈNH SƠN LA	46	TỈNH KIÊN GIANG
20	TỈNH HOÀ BÌNH	47	THÀNH PHỐ CẦN THƠ
21	TỈNH THANH HOÁ	48	TỈNH HẬU GIANG
22	TỈNH NGHỆ AN	49	TỈNH SÓC TRĂNG
23	TỈNH HÀ TĨNH	50	TỈNH BẠC LIÊU
24	TỈNH KON TUM	51	TỈNH CÀ MAU
25	TỈNH GIA LAI	52	TP ĐÀ NẴNG
26	TỈNH ĐẮK LẮK	53	TỈNH BÌNH DƯƠNG
27	TỈNH ĐẮC NÔNG		